TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 38/2019/HNGĐ – ST
Ngày 24/4/2019.
V/v: Xin ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Đừng.

2. Ông Phạm Cảm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Vi– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019//TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXX – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 20198, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Cà Thị Thiên S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn – anh Phạm H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và chị Cà Thị Thiên S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau, không xây dựng được hạnh phúc gia đình. Nay, giữa tôi và chị Cà Thị Thiên S không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Vì

vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cho tôi được ly hôn với chị Cà Thị Thiên S.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong bản tự khai, đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải bị đơn chị Cà Thị Thiên S trình bày: Tôi và anh Phạm H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau, không xây dựng được hạnh phúc gia đình. Chúng tôi đã ly thân với nhau từ năm 2013 và không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, cho tôi và anh Phạm H được thuận tình ly hôn với nhau.

Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi chưa có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không đề cập yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Cà Thị Thiên S trình bày do điều kiện công việc, khó khăn trong việc đi lại, nên đã đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tiến hành hòa giải và làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về nội dụng vụ án: Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp và không tôn trọng lẫn nhau, không xây dựng được hạnh phúc gia đình. Nay, giữa anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm H, cho anh Phạm H được ly hôn với chị Cà Thị Thiên S.

Về con chung: Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S chưa có con chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với quan hệ về tài sản, công nợ Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – chị Cà Thị Thiên S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng do điều kiện công việc, khó khăn trong việc đi lại nên đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tiến hành hòa giải và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm H, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Phạm H. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa chị Cà Thị Thiên S đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/7/2011 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho anh được ly hôn với chị Cà Thị Thiên S.

Quá trình chung sống, Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S chưa có con chung, nên không đề cập Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung, anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị S đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh H và chị S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho thuận tình ly hôn. Do đó, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm H về yêu cầu được ly hôn với chị Cà Thị Thiên S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau Anh Phạm H và chị Cà Thị Thiên S chưa có con và không yêu cầu Tòa án xem xét giải giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: anh Phạm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 4 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm H. Cho anh Phạm H được ly hôn với chị Cà Thị Thiên S.

- Về con chung: Không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải giải quyết.

Về án phí:

Anh Phạm H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà anh Phạm H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011669 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Hòa Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl